

Số 132/1999/QĐ-BNN-HTQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 1999

Quyết định của bộ trưởng
bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

Ban hành quy chế quản lý các chương trình và dự án có sử dụng nguồn vốn
hỗ trợ của nước ngoài thuộc trách nhiệm của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Căn cứ Nghị định 73CP, ngày 1/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 5/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức; Nghị định số 52/CP ngày 8/7/1999 về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

quyết định

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế quản lý các chương trình và dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc trách nhiệm của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ trái với nội dung của Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ,
- UBQG về Hợp tác Kinh tế QT,
- Bộ Kế hoạch và đầu tư,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Ngoại giao,
- Bộ Tư pháp,
- Bộ Thương mại,
- Ngân hàng Nhà nước,
- Các Thứ trưởng,
- Giám đốc các Ban QLDA,
- Các Văn phòng dự án,

bộ trưởng bộ nông nghiệp
và phát triển nông thôn

Lê Huy Ngọ
(đã ký)

- Sở NN và PTNT Tỉnh,
Thành phố,
- Lưu VP, HTQT

bộ nông nghiệp và
phát triển nông thôn

cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

quy chế quản lý các chương trình và dự án
có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc
trách nhiệm của bộ nông nghiệp và ptnt
(Ban hành kèm theo Quyết định số 132-1999/QĐ/BNN-HTQT
ngày 22/9/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

chương I Những quy định chung

Điều 1: Nguồn hỗ trợ của nước ngoài

1. Nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn khác của các Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ, các tổ chức phi Chính phủ và các cá nhân nước ngoài (sau đây gọi là bên nước ngoài) nhằm mục đích hỗ trợ phát triển Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bao gồm:
 - a. Nguồn viện trợ không hoàn lại
 - b. Nguồn cho vay với các điều kiện ưu đãi như cho vay không có lãi suất mà chỉ có phí dịch vụ, có lãi suất thấp hoặc kết hợp nguồn vay có lãi suất thấp với nguồn vay có lãi trung bình, có thời gian ân hạn, thời gian hoàn trả vốn vay dài hạn.
2. Các hình thức nguồn hỗ trợ của nước ngoài thể hiện dưới dạng tiền (ngoại tệ hoặc tiền Việt Nam), công nghiệp, máy móc, thiết bị, hàng hoá, giống cây, con và vi sinh vật, chuyên gia, đào tạo.

Điều 2: Đối tượng điều chỉnh:

1. Đối tượng chịu sự điều chỉnh của Quy chế này là tất cả các chương trình và dự án (sau đây gọi chung là dự án) có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và thực hiện.
2. Các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) và các nguồn được coi là quà biếu, quà tặng không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 3: Cơ sở pháp lý

Quy chế quản lý này tuân thủ các qui định hiện hành của nhà nước như: Nghị định số 87/CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ về Quy chế quản lý và Sử dụng Nguồn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Quyết định số 28/1999/QĐ.TTg ngày 23/2/1999 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Quản lý và Sử dụng Viện trợ của các Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài; Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về Quy chế Quản lý Đầu tư và xây dựng, các thông tư hướng dẫn kèm theo và những qui định hiện hành có liên quan khác của các Bộ, Ngành và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II

Xác định, xây dựng, thẩm định, đàm phán, phê duyệt và ký kết các văn bản dự án

Điều 4: Xác định dự án và tìm nguồn hỗ trợ

1. Trên cơ sở định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội trong từng thời kỳ của cả nước; chiến lược, quy hoạch và kế hoạch ngắn, trung và dài hạn của Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì và phối hợp với các Vụ, Cục chức năng và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ, với các sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư của các tỉnh và thành phố, hàng năm xác định và lập danh mục hoặc danh mục bổ sung có kèm theo các bản thuyết minh tóm tắt về các dự án ưu tiên trình Bộ hoặc Bộ trình Chính phủ phê duyệt để tìm nguồn hỗ trợ của nước ngoài.
2. Những dự án đã được các bên đối tác Việt Nam và nước ngoài thống nhất đề nghị nhưng chưa được Bộ hoặc Chính phủ phê duyệt, bên đối tác Việt Nam phải thông báo cho Vụ Hợp tác quốc tế để báo cáo Bộ hoặc Bộ trình Chính phủ xét duyệt và bổ sung vào danh mục các dự án tìm nguồn hỗ trợ của nước ngoài.
3. Căn cứ nội dung các dự án trong danh mục đã được phê duyệt, Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ ra văn bản cử đơn vị chuẩn bị dự án hoặc đơn vị chủ dự án của từng dự án, chuẩn bị về mặt đối ngoại để lãnh đạo Bộ, các Cục, Vụ, và đơn vị trực thuộc Bộ, các đơn vị chuẩn bị dự án và chủ dự án, các cơ quan hữu quan Trung ương, các tỉnh và thành phố xúc tiến việc tìm nguồn hỗ trợ cho các dự án.
4. Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc chủ dự án phải kịp thời báo cáo Bộ (thông qua Vụ Hợp tác Quốc tế) về tình hình và kết quả xúc tiến tìm nguồn hỗ trợ của nước ngoài cho dự án.

Điều 5: Xây dựng và lập hồ sơ dự án

1. Khi có nhà tài trợ ghi nhận xem xét để hỗ trợ cho một dự án cụ thể trong danh mục các dự án được duyệt để tìm nguồn hỗ trợ, các bên Việt nam và bên nước ngoài cần lập hồ sơ dự án trong thời gian sớm nhất.
2. Tuỳ theo quy chế của bên hỗ trợ và những qui định hiện hành của Nhà nước Việt Nam, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì cùng với các Vụ, Cục chức năng hướng dẫn đơn vị chuẩn bị dự án hoặc đơn vị chủ dự án xây dựng và lập hồ sơ cho từng dự án, cụ thể gồm:
 - a. Tiến hành lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trong trường hợp dự án chưa có báo cáo tiền khả thi hoặc có báo cáo tiền khả thi nhưng nhà tài trợ vẫn yêu cầu tiến hành nghiên cứu những khía cạnh nhà tài trợ quan tâm, đặc biệt đối với những dự án sử dụng vốn vay.
 - b. Tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi trong trường hợp hai bên đối tác chấp nhận báo cáo tiền khả thi đã có hoặc bỏ qua giai đoạn tiền khả thi.
 - c. Việc xây dựng báo cáo tiền khả thi và khả thi có thể do bên chủ dự án hoặc cả hai bên đối tác hoặc bên tài trợ thuê công ty tư vấn trong hoặc ngoài nước thực hiện.
3. Nội dung cơ bản của báo cáo tiền khả thi và khả thi qui định tại Điều 23 và 24 chương II Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP.
4. Trường hợp bên hỗ trợ không yêu cầu lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc khả thi mà chỉ lập văn bản hoặc văn kiện dự án đề nghị (sau đây gọi là văn bản dự án), đơn vị chuẩn bị dự án hoặc đơn vị chủ dự án phải phối hợp với bên hỗ trợ để lập văn bản dự án đạt yêu cầu của cả hai bên.

Điều 6: Thẩm định dự án

1. Tất cả các dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài đều phải được thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để ký kết với bên hỗ trợ.
2. Các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chức năng của Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức tín dụng Nhà nước (đối với các dự án có sử dụng vốn tín dụng) phải thực hiện theo qui định tại Điều 26 Quy chế ban hành kèm theo Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999.
3. Vụ Đầu tư Xây dựng Cơ bản chủ trì thẩm định tất cả các dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng. Vụ Kế hoạch và Quy hoạch chủ trì thẩm định dự án đầu tư phát triển cây, con. Vụ Khoa học, Công nghệ và Chất lượng sản phẩm chủ trì thẩm định các dự án hợp tác phát triển khoa học và công nghệ. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì thẩm định các dự án về

thể chế chính sách, cải cách hành chính, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển nguồn nhân lực.

4. Nội dung thẩm định:

- a. Nội dung thẩm định các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP.
- b. Nội dung thẩm định các dự án khác không thuộc quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP, cần làm rõ sự cần thiết phải có dự án, tính khả thi, các mục tiêu đề ra của dự án, hiệu quả về kinh tế-xã hội, an ninh, môi trường của dự án.

5. Thời gian thẩm định: Thời gian thẩm định dự án đầu tư xây dựng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- a. Các dự án đầu tư thuộc nhóm A: thời hạn thẩm định không quá 60 ngày.
- b. Các dự án đầu tư thuộc nhóm B: thời hạn thẩm định không quá 30 ngày.
- c. Các dự án đầu tư thuộc nhóm C: thời hạn thẩm định không quá 20 ngày.
- d. Đối với các dự án không thuộc 3 nhóm trên: thời gian thẩm định không quá 20 ngày.

Điều 7: Kinh phí lập dự án và thẩm định dự án

Kinh phí lập dự án và thẩm định dự án đầu tư thực hiện theo Điều 32 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP, đối với các dự án khác lấy từ nguồn hỗ trợ của nước ngoài hoặc vốn ngân sách của Nhà nước đã bố trí cho dự án hoặc từ kinh phí của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc đơn vị chủ dự án.

Điều 8: Đàm phán, phê duyệt và ký kết các văn bản dự án.

1. Việc đàm phán giữa bên Việt Nam và bên nước ngoài diễn ra từ lúc tiếp xúc ban đầu để xác định dự án và xác định nguồn hỗ trợ đến khâu ký kết các văn bản dự án.
2. Trên cơ sở báo cáo khả thi hoặc văn bản dự án đã được các bên thẩm định, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục chức năng và chủ dự án tiến hành đàm phán và chuẩn bị các văn bản để trình Bộ trưởng hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ký kết với bên hỗ trợ.

Văn bản cần thiết để trình phê duyệt và ký kết gồm có một trong những loại sau đây: Hiệp định hoặc Thỏa thuận, Nghị định thư, Ghi nhớ, Bản thu xếp, Biên bản, Hợp đồng cùng với báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc văn bản dự án, thư uỷ nhiệm (trường hợp người ký được cấp trên uỷ quyền).

3. Thẩm quyền phê duyệt các dự án có sử dụng vốn ODA qui định tại Nghị định 87/CP như sau:

3.1 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

- a. Danh mục các dự án có sử dụng vốn ODA hàng năm, kể cả những sửa đổi, bổ sung có liên quan.
- b. Các dự án tín dụng có sử dụng vốn ODA.
- c. Các dự án có sử dụng vốn ODA không hoàn lại có mức vốn từ 500.000 đô la Mỹ trở lên.
- d. Các dự án có sử dụng vốn ODA có liên quan đến thể chế, chính sách, luật pháp, văn hoá thông tin hoặc quốc phòng, an ninh (không phụ thuộc quy mô vốn).
- e. Các dự án sử dụng vốn ODA với tổng số vốn đầu tư tương đương dự án nhóm A theo qui định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP.

3.2 Trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA hàng năm, kể cả những sửa đổi bổ sung liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt các loại dự án sau:

- a. Các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA có tổng số vốn đầu tư tương đương dưới mức dự án nhóm A theo qui định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP.
 - b. Các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại có mức vốn dưới 500.000 đô la Mỹ. Các dự án có giá trị tương đương dưới 10.000 đô la Mỹ, đơn vị chủ dự án quyết định việc ký kết và báo cáo Vụ Hợp tác quốc tế để giúp Bộ theo dõi thực hiện.
4. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, Vụ Hợp tác quốc tế thông báo cho bên đối tác nước ngoài về kết quả phê duyệt, chủ trì cùng các Vụ, Cục có liên quan hướng dẫn chủ dự án chuẩn bị đàm phán cuối cùng, hoàn thiện nội dung, thủ tục và ký kết văn bản dự án hoặc ký kết văn bản dự án hoặc ký kết các điều ước quốc tế.
5. Trong quá trình đàm phán, nếu có phát sinh, thay đổi so với văn bản dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì trưởng đoàn đàm phán phải báo cáo, xin ý kiến của lãnh đạo Bộ và của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.
6. Đối với các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, trong thời gian sớm nhất sau khi kết thúc quá trình đàm phán, trưởng đoàn đàm phán phải gửi báo cáo bằng văn bản lên Bộ trưởng về kết quả đàm phán, nội dung và các văn bản đã thoả thuận để ký kết với đối tác bên nước ngoài. Trên cơ sở đó,

Vụ Hợp tác quốc tế chuẩn bị văn bản để Bộ phê duyệt hoặc Bộ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuẩn bị triển khai các bước tiếp theo.

Điều 9: Thẩm quyền và cấp ký kết

1. Việc tiến hành đàm phán và ký điều ước quốc tế phải được sự uỷ quyền của Chủ tịch nước (đối với điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Nhà nước), của Chính phủ (đối với điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Chính phủ) hoặc Bộ trưởng (đối với những điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Bộ).
2. Trưởng đoàn đàm phán và ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Bộ phải được Bộ trưởng uỷ quyền phù hợp với tính chất, tầm quan trọng của điều ước ký kết và người có thẩm quyền đàm phán và ký kết của bên nước ngoài.

Điều 10: Quản lý văn bản ký kết, trao đổi tài liệu và mẫu vật

1. Các văn bản do Chính phủ uỷ quyền cho Bộ ký kết được lưu giữ tại Bộ Ngoại giao.
2. Các văn bản ký kết khác được quản lý như sau:
 - Bản gốc lưu giữ lại Văn phòng Bộ.
 - Các bản sao lưu giữ tại Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan.
3. Việc lưu giữ, tiếp xúc, trao đổi, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, mẫu vật với bên nước ngoài được thực hiện theo qui định hiện hành của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

Tổ chức và quản lý thực hiện

Điều 11: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chủ trương thống nhất quản lý Nhà nước về ODA và các nguồn lực hỗ trợ khác từ nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thể hiện trong các mặt sau đây:

1. Trên cơ sở định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn, trung và dài hạn của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, các dự án hợp tác với nước ngoài được xác định, xây dựng và xếp thứ tự ưu tiên để vận động nguồn lực quốc tế giúp đỡ và hợp tác.
2. Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước của các Vụ, Cục và cơ quan chức năng có liên quan của Bộ đối với các dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài.

Điều 12: Trách nhiệm quản lý thực hiện dự án của các Vụ chức năng thuộc Bộ

1. Vụ Hợp tác quốc tế giúp Bộ trưởng quản lý tổng hợp tất cả các dự án có nguồn hỗ trợ của nước ngoài, chủ trì và phối hợp với các Vụ, Cục và các đơn vị có liên

quan tổ chức thực hiện các khâu từ xác định và tìm nguồn hỗ trợ đến khâu ký kết các văn bản dự án hoặc điều ước quốc tế; chủ trì tổ chức quản lý việc thực hiện các dự án về thể chế chính sách, cải cách hành chính, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển nguồn nhân lực; theo dõi và tổng hợp tình hình các dự án hợp tác quốc tế của Bộ để định kỳ 6 tháng báo cáo lãnh đạo Bộ hoặc bất thường theo yêu cầu của Bộ.

Danh mục, văn bản và các thông tin cần thiết về các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc trách nhiệm của Bộ cần được tập trung qua kênh quản lý tổng hợp của Vụ Hợp tác quốc tế để trình Bộ hoặc cấp có thẩm quyền để phê duyệt, xử lý hoặc gửi cho đối tác nước ngoài nhằm đảm bảo được sự quản lý thống nhất của Bộ, tránh sự trùng lặp, bỏ sót, chậm trễ, lãng phí, phân tán, sơ hở hoặc không an toàn.

2. Vụ Kế hoạch và Quy hoạch chủ trì và phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, các Vụ, Cục có liên quan tổ chức quản lý việc thực hiện các dự án đầu tư và phát triển, các dự án đầu tư xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ; phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế chuẩn bị các văn bản dự án đầu tư và phát triển trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp kế hoạch vốn đối ứng và vốn nước ngoài theo tiến độ của tất cả các dự án của Bộ quản lý để cân đối dựa vào kế hoạch đầu tư hàng năm và hướng dẫn chủ dự án thực hiện.
3. Vụ Khoa học, công nghệ và chất lượng sản phẩm chủ trì và phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, các Vụ, Cục có liên quan tổ chức quản lý việc thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ và môi trường thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, bao gồm hướng dẫn xây dựng dự án, tổ chức thẩm định nội dung trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nội dung của dự án; xem xét và làm các thủ tục trao đổi với nước ngoài về mẫu vật (thực vật, động vật, vi sinh vật...), công nghệ và các tài liệu khoa học, môi trường trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Việc trao đổi động thực vật hoang dã do Cục Kiểm lâm thực hiện theo những qui định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phù hợp với những cam kết của nước ta với quốc tế.

4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế chuẩn bị nhân sự và trình Bộ thành lập Ban điều hành dự án, đề xuất để Bộ quyết định cử Giám đốc cùng các thành viên của Ban quản lý các dự án chuyên ngành (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi) và Văn phòng dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài; hướng dẫn các Ban quản lý các dự án chuyên ngành xây dựng quy chế tổ chức hoạt động và theo dõi kiểm tra thực hiện các quy chế đó; theo dõi hoạt động, kiểm tra, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh về tổ chức bộ máy và nhân sự của các dự án.
5. Vụ Tài chính kế toán giúp Bộ trưởng quản lý tài chính và đề xuất bổ sung quy chế quản lý tài chính, định mức chi tiêu đối với các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài do các đơn vị thuộc Bộ thực hiện.

Căn cứ vào qui định hiện hành về quản lý tài chính trong nước và qui định tại các hiệp định hoặc văn bản dự án, Vụ Tài chính kế toán hướng dẫn các Ban quản lý dự án, Văn phòng dự án về lập kế hoạch tài chính, giải ngân, chế độ kế toán, báo cáo tài chính trình Bộ và Bộ Tài chính phù hợp với nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; kiểm tra kế toán định kỳ và bất thường đối với các Ban quản lý dự án, các Văn phòng dự án bằng việc thẩm định và xét duyệt quyết toán các dự án hàng năm; khi dự án kết thúc, quản lý việc bàn giao tài sản dự án cho các đơn vị quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

6. Vụ Đầu tư Xây dựng Cơ bản phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các Vụ, Cục chức năng khác, sau khi thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư thực hiện xây dựng, đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước; các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ khác đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế.

Điều 13: Bộ máy và nhân lực dự án

1. Ban điều hành dự án: Tuỳ theo yêu cầu của một số dự án, Ban điều hành dự án được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định, do một Thứ trưởng làm Trưởng Ban để thực hiện nhiệm vụ thống nhất huy động và điều phối sự tham gia của các Bộ, Ngành trong việc quản lý dự án do Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều hành kế hoạch thực hiện dự án theo văn bản dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thành viên Ban điều hành dự án là đại diện của các Bộ, các cơ quan trung ương hoặc các tỉnh, thành phố có liên quan. Nhiệm vụ của Ban điều hành được ghi trong quyết định thành lập, chủ yếu xem xét, tư vấn cho Bộ phê duyệt các vấn đề thuộc về chính sách, tổ chức, kế hoạch hoạt động và ngân sách định kỳ (nửa năm hoặc cả năm) của dự án do Giám đốc dự án trình lên; định kỳ kiểm tra, sơ kết và tổng kết dự án, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã được xác định trong văn bản dự án.

2. Ban quản lý các dự án nông nghiệp, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp và Ban quản lý các dự án thủy lợi (CPO): Hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho mỗi Ban. Các Ban này là những đơn vị sự nghiệp kinh tế có nhiệm vụ quản lý trực tiếp và tổ chức chỉ đạo thực thi, các dự án cụ thể được Bộ giao và chấp hành quy chế này như các đơn vị chủ dự án.

Tuỳ thuộc vào từng dự án, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì và phối hợp với các Vụ, Cục liên quan và Ban quản lý các dự án xây dựng quy chế hoạt động của Ban điều hành dự án trình Bộ phê duyệt và ban hành thực hiện.

3. Văn phòng dự án: Trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của dự án, gồm có Giám đốc, điều phối viên, kế toán và các nhân viên dự án do Vụ Tổ chức cán bộ cùng với đơn vị chủ dự án trình Bộ xem xét, quyết định.

Giám đốc dự án có trách nhiệm cùng với các thành viên của Văn phòng dự án phối hợp với chuyên gia của dự án (nếu có) điều hành các hoạt động của dự án gồm:

- a. Xây dựng kế hoạch hoạt động và ngân sách (tháng, quý, nửa năm và cả năm) của dự án, trình Ban quản lý các dự án hoặc Ban điều hành dự án (nếu có), các Vụ, Cục chức năng liên quan để phê duyệt và thực hiện.
- b. Lập kế hoạch và chuẩn bị các thủ tục để rút vốn đối ứng từ ngân sách Nhà nước, rút vốn nước ngoài theo tiến độ đã ghi trong văn bản dự án.
- c. Chấp hành các quy chế tài chính, chế độ thống kê, kế toán và các chế độ kiểm tra, thanh tra theo qui định hiện hành của Nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (theo qui định của văn bản dự án đã được phê duyệt) và bất thường (khi có yêu cầu) về Bộ (Vụ Kế hoạch và Quy hoạch, Vụ Đầu tư Xây dựng cơ bản, Vụ Tài chính kế toán, Vụ Hợp tác quốc tế) theo mẫu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ có liên quan và các yêu cầu của bên nước ngoài về báo cáo tài chính, kiểm toán.
- d. Tuyển chọn chuyên gia trong nước và chuyên gia quốc tế theo đề cương chức năng và nhiệm vụ (TOR), cung cấp các điều kiện vật chất và nhân sự cộng tác để tiến hành công việc theo lịch trình đã định.
- e. Tổ chức đấu thầu tuyển chọn thiết bị, vật tư xây lắp và dịch vụ cho dự án theo qui định hiện hành của Nhà nước và của nhà tài trợ.
- f. Tổ chức lực lượng, phương tiện, sổ sách để theo dõi, đôn đốc thực hiện các hoạt động và hạng mục của dự án.
- g. Quản lý hoạt động của các chuyên gia dự án.
- h. Phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, các Vụ chức năng và đại diện của nhà tài trợ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tiến độ định kỳ và kết thúc dự án theo quy định tại văn bản dự án, báo cáo về Bộ, các Vụ chức năng có liên quan và nhà tài trợ.

Điều 14: Sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án

Vụ Hợp tác quốc tế và các Vụ liên quan hướng dẫn Giám đốc dự án phối hợp với bên đối tác nước ngoài tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo Bộ (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) tình hình hoạt động dự án đã quy định tại văn bản dự án hoặc định kỳ 6 tháng và cả năm, rút kinh nghiệm về quản lý dự án, đề xuất hoặc kiến nghị những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi về văn bản dự án, tổ chức thực hiện và kết thúc dự án.

Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp tình hình và kết quả sử dụng các nguồn lực hỗ trợ của nước ngoài, báo cáo lãnh đạo Bộ theo định kỳ 6 tháng và cả năm.

chương IV
Điều khoản thi hành

Điều 15: Hiệu lực thi hành

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, trưởng ban điều hành dự án, Giám đốc các Ban quản lý các dự án nông nghiệp, dự án lâm nghiệp, dự án thủy lợi và các Văn phòng dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào cần bổ sung, sửa đổi cần phản ánh kịp thời về Bộ (Vụ Hợp tác quốc tế) để xem xét giải quyết.

bộ trưởng bộ nông nghiệp và ptnt

Lê Huy Ngọ
(đã ký)